

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2731 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công cụ tính toán
hỗ trợ tham mưu chỉ đạo, điều hành quy trình vận hành
liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng công cụ tính toán hỗ trợ tham mưu chỉ đạo, điều hành quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 3780/SKHĐT-TĐ ngày 02/7/2020 và Tờ trình số 511/TTr-CCTL ngày 01/6/2020 của Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa (kèm theo hồ sơ) về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công cụ tính toán hỗ trợ tham mưu chỉ đạo, điều hành quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công cụ tính toán hỗ trợ tham mưu chỉ đạo, điều hành quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã, với những nội dung chính sau:

- 1. Tên dự án:** Xây dựng công cụ tính toán hỗ trợ tham mưu chỉ đạo, điều hành quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã.
- 2. Tên chủ đầu tư:** Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa.

3. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Liên danh Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Thanh Hóa và Viện Quy hoạch Thủy lợi.

4. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng đồng bộ công cụ tính toán để cung cấp các dữ liệu cần thiết phục vụ công tác tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh trong việc ra quyết định vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã, đảm bảo theo đúng quy trình được phê duyệt, đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh.

5. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Thiết lập mô hình thủy văn, thủy lực trên lưu vực sông Mã.
- Xây dựng phần mềm tính toán hỗ trợ ra quyết định chỉ đạo, điều hành các hồ chứa trên lưu vực sông Mã.
- Lắp đặt bổ sung thiết bị đo mưa, đo mực nước trên lưu vực sông Mã để tự động cung cấp dữ liệu cho phần mềm (gồm 3 trạm đo mực nước kết hợp đo mưa tự động tại Xuân Khánh, Lý Nhân và Giàng; 12 trạm đo mưa phân bố đều trên lưu vực).

6. Thiết kế chi tiết: Theo kết quả thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 1009/STTTT-KHTC ngày 15/6/2020 và hồ sơ thiết kế chi tiết kèm theo.

7. Địa điểm đầu tư: Chi cục thủy lợi Thanh Hóa và các hồ chứa trên lưu vực sông Mã.

8. Tổng mức đầu tư: 4.934,0 triệu đồng;

Trong đó:

| | |
|------------------------|---------------------|
| Chi phí thiết bị: | 4.242,0 triệu đồng; |
| Chi phí quản lý dự án: | 91,0 triệu đồng; |
| Chi phí tư vấn đầu tư: | 331,0 triệu đồng; |
| Chi phí khác: | 35,0 triệu đồng; |
| Chi phí dự phòng: | 235,0 triệu đồng. |

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

9. Nguồn vốn đầu tư: Vốn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh hàng năm.

10. Dự kiến phân bổ nguồn vốn theo tiến độ: Dự án đã được Chủ tịch UBND tỉnh giao vốn tại Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 20/01/2020.

11. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án. Trường hợp, chủ đầu tư không có đủ điều kiện, năng lực, chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án theo quy định.

12. Thời gian thực hiện dự án: 2 năm (năm 2020-2021).

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng Luật Công nghệ thông tin năm 2016; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án xây dựng công cụ tính toán hỗ trợ tham mưu chỉ đạo, điều hành quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Nội dung chi phí | Cách tính | Thành tiền trước thuế | VAT | Thành tiền sau thuế |
|------------|--|-------------------------|-----------------------|--------------|---------------------|
| | Tổng cộng | I+II+III+IV+V | 4.664,1 | 270,2 | 4.934,0 |
| I | Chi phí thiết bị | | 4.023,6 | 218,4 | 4.242,0 |
| 1 | Chi phí thiết bị (Gtb) | | 1.100,0 | 110,0 | 1.210,0 |
| - | Trạm đo mưa tự động | 12 bộ*55,75 | 669,0 | 66,9 | 735,9 |
| - | Trạm đo mực nước kết hợp trạm đo mưa tự động | 3 bộ*134,5 | 403,5 | 40,4 | 443,9 |
| - | Máy tính vận hành | 1 bộ*27,5 | 27,5 | 2,8 | 30,3 |
| 2 | Chi phí phần mềm (Gpm) | | 2.923,6 | 108,4 | 3.032,0 |
| - | Xây dựng phần mềm tính toán hỗ trợ ra quyết định chỉ đạo, điều hành các hồ chứa trên lưu vực sông Mã | | 1.840,1 | | 1.840,1 |
| - | Thiết lập mô hình thủy văn, thủy lực trên sông Mã | | 1.083,5 | 108,4 | 1.191,9 |
| | <i>Thiết lập mô hình dòng chảy</i> | | <i>178,3</i> | <i>17,8</i> | <i>196,1</i> |
| | <i>Thiết lập mô hình thủy lực một chiều</i> | | <i>905,2</i> | <i>90,5</i> | <i>995,7</i> |
| II | Chi phí quản lý dự án | Gtb*2,644%+Gpm*1,855% | 83,0 | 8,3 | 91,0 |
| III | Chi phí tư vấn đầu tư | | 301,0 | 30,0 | 331,0 |
| 1 | Khảo sát lập BCKTKT | | 24,4 | 2,4 | 26,8 |
| 2 | Lập BCKTKT | | 193,4 | 19,3 | 212,7 |
| 3 | Lựa chọn nhà thầu | Gtb*0,283%+Gpm*0,405% | 15,0 | 1,5 | 16,4 |
| 4 | Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị | Gtb*0,718%+Gpm*2,063% | 68,2 | 6,82 | 75,0 |
| IV | Chi phí khác | | 34,6 | 0,5 | 35,0 |
| 1 | Thẩm định BCKTKT | TMĐT*0,019% | 1,0 | | 1,0 |
| 2 | Thẩm định giá thiết bị (tạm tính) | 0,1%*Gtb | 1,1 | 0,1 | 1,2 |
| 3 | Thẩm tra, phê duyệt quyết toán | TMĐT*0,57% | 28,5 | | 28,5 |
| 4 | Thẩm định HSMT, KQLCNT | Gtb*0,1% | 4,0 | 0,4 | 4,4 |
| V | Chi phí dự phòng (5% cho khối lượng phát sinh) | 5%*(I+II+III+IV) | 222,0 | 13,0 | 235,0 |